

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 306/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 2 như sau:

“h) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con; Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con;”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 4 như sau:

“c) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 4 như sau:

“a) Đình chỉ hoạt động chào mua công khai, hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán, hoạt động văn phòng đại diện, hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán, hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;”;

c) Sửa đổi, bổ sung các điểm c, k, l và o khoản 3 Điều 4 như sau:

“c) Buộc cung cấp thông tin chính xác; buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin; buộc giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán;

k) Buộc quản lý tách biệt tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ là tiền và chứng khoán của khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ; buộc mở tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ chi tiết cho từng khách hàng; buộc quản lý tách biệt tài sản, vị thế giao dịch của từng khách hàng và của khách hàng với thành viên bù trừ; buộc xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng;

l) Buộc quản lý tách biệt tài sản của thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con; buộc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của từng thành viên bù trừ; buộc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản ký quỹ của từng thành viên bù trừ và các khách hàng của chính thành viên bù trừ đó; buộc tách biệt giữa tài sản ký quỹ, tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán phái sinh và tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán cơ sở;

o) Buộc dừng hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc cung cấp các dịch vụ chứng khoán hoặc hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính khác; buộc dừng thực hiện hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng; buộc giảm giá trị bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định;”;

d) Bổ sung điểm s vào sau điểm r khoản 3 Điều 4 như sau:

“s) Buộc báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thì áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 8; khoản 6 Điều 8a; khoản 2 và khoản 3 Điều 9; khoản 3 Điều 11; khoản 3 và khoản 4 Điều 12; khoản 8 Điều 13; khoản 4 và khoản 5 Điều 18; khoản 4 Điều 19; khoản 1 Điều 20; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 24; Điều 25; khoản 6 Điều 26; khoản 3 Điều 28; khoản 4 Điều 31; khoản 4 Điều 34; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 38; khoản 7 Điều 42 Nghị định này thì bị xử phạt về từng hành vi.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 8; khoản 6 Điều 8a; khoản 2 và khoản 3 Điều 9; khoản 3 Điều 11; khoản 3 và khoản 4 Điều 12; khoản 8 Điều 13; khoản 4 và khoản 5 Điều 18; khoản 4 Điều 19; khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 28; khoản 4 Điều 31; khoản 4 Điều 34; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 38; khoản 7 Điều 42; điểm c khoản 7 Điều 45 Nghị định này, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải chuyển hồ sơ liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này”.

5. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Mục 1 Chương II như sau:

“Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ, TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ, TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RIÊNG LẺ, TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ; ĐĂNG KÝ TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ; CÔNG BỐ THÔNG TIN, CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 và bổ sung các Điều 8a, Điều 8b, Điều 8c sau Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Vi phạm quy định về chào bán, phát hành cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu khi chưa được chấp thuận hoặc thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu không đúng với phương án đã được chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ không đúng thời gian quy định;

b) Không công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc không thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành trong báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, trừ trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ;

c) Đưa ra nhận định hoặc đảm bảo với nhà đầu tư về giá cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ trong tương lai, về mức thu nhập, lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc đảm bảo không bị thua lỗ.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với tổ chức phát hành thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ đã nộp hoặc hồ sơ đã trình tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;

b) Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành riêng lẻ nhưng không thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty; thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành riêng lẻ khi chưa được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho phép thực hiện; thực hiện thay đổi phương án sử dụng số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành riêng lẻ khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền với giá trị thay đổi từ 50% trở lên số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành; không báo cáo việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c) Công bố thông tin chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền được chào bán, phát hành riêng lẻ; quảng cáo việc chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ trên phương tiện thông tin đại chúng;

d) Vi phạm quy định về xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia đợt chào bán, phát hành; không lưu giữ tài liệu xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật;

đ) Chúng nhận việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng hoặc trong trường hợp pháp luật quy định không được chuyển nhượng; thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ vi phạm quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

e) Không chuyển số tiền thu được từ đợt chào bán vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho đến khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản về việc xác nhận kết quả chào bán;

g) Thực hiện phân phối cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ không đúng quy định pháp luật.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ không đúng với phương án đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc phương án đã được chấp thuận trong hồ sơ chào bán, phát hành;

b) Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành riêng lẻ không đúng với phương án đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hoặc nội dung đã công bố thông tin cho nhà đầu tư hoặc nội dung đã báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật; chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ nhưng không đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức chào bán, phát hành và công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành riêng lẻ của tổ chức chào bán, phát hành;

b) Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được phát hành không đúng quy định pháp luật.

6. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

7. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng đối với hành vi làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo chứng minh đủ điều kiện chào bán, phát hành trong hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là giấy tờ giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành trong khoảng thời gian vượt quá thời gian quy định; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua cổ phiếu riêng lẻ hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu;

c) Buộc công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành trong báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Buộc hủy bỏ thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

đ) Buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

e) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, các điểm a, b khoản 4 và điểm b khoản 5 Điều này, trong trường hợp đã chào bán, phát hành chứng khoán. Thời hạn nhà đầu tư gửi yêu cầu là tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua cổ phiếu riêng lẻ hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu;

g) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này, trong trường hợp đã chào bán, phát hành chứng khoán. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua cổ phiếu riêng lẻ hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu.”.

b) Bổ sung các Điều 8a, Điều 8b và Điều 8c vào sau Điều 8 như sau:

“Điều 8a. Vi phạm quy định về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải công ty đại chúng, chào bán trái phiếu không chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu khi chưa được phê duyệt, chấp thuận hoặc thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu không đúng với phương án đã được phê duyệt, chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện chào bán trái phiếu không đúng thời gian quy định.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị định này;

b) Chứng nhận việc chuyển nhượng trái phiếu trong trường hợp pháp luật quy định không được chuyển nhượng; thực hiện chuyển nhượng trái phiếu vi phạm quy định pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

c) Thực hiện phân phối trái phiếu không đúng quy định pháp luật.

4. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu không đúng với phương án đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hoặc nội dung đã công bố thông tin cho nhà đầu tư hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc không đúng quy định pháp luật.

5. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán trái phiếu khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

b) Vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 8 Nghị định này;

c) Lập, xác nhận hồ sơ chào bán trái phiếu có thông tin không chính xác, không trung thực.

6. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng đối với hành vi làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo chứng minh đủ điều kiện chào bán trái phiếu.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là giấy tờ giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 8b. Vi phạm quy định về đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, công bố thông tin của tổ chức chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi chậm đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ dưới 03 tháng so với thời hạn theo quy định pháp luật;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi chậm đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ từ 03 tháng đến dưới 12 tháng so với thời hạn theo quy định pháp luật;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chậm đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ từ 12 tháng trở lên so với thời hạn theo quy định pháp luật.

2. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi chậm đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ dưới 01 tháng so với thời hạn theo quy định pháp luật;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi chậm đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ từ 01 tháng đến dưới 12 tháng so với thời hạn theo quy định pháp luật;

c) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi chậm đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ từ 12 tháng trở lên so với thời hạn theo quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin không đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật.

4. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn công bố thông tin bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi chậm công bố thông tin dưới 10 ngày làm việc so với thời hạn theo quy định pháp luật;

b) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi chậm công bố thông tin từ 10 ngày làm việc trở lên so với thời hạn theo quy định pháp luật.

5. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin sai lệch.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 8c. Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về đại diện người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán là thành viên giao dịch không đảm bảo nhà đầu tư thuộc đúng đối tượng mua trái phiếu theo quy định pháp luật trước khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ; không đảm bảo cho chính mình và khách hàng có đủ tiền, trái phiếu trước khi thực hiện giao dịch; không kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các lệnh giao dịch theo quy định pháp luật.

5. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không rà soát việc đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện chào bán hoặc hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

b) Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp phát hành cung cấp thông tin sai sự thật hoặc dễ gây hiểu lầm về trái phiếu tại hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của công ty chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định về bảo lãnh phát hành quy định tại khoản 2 Điều này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 15 như sau:

“b) Không bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty hoặc không đảm bảo người phụ trách quản trị công ty đáp ứng quy định.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với công ty đại chúng không đưa nội dung thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, từng thành viên Ban kiểm soát, tiền lương của Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty hoặc không báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 Điều 15 như sau:

“a) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết không lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị; Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán không báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc báo cáo không đầy đủ nội dung theo quy định;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán không đảm bảo số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán hàng năm theo quy định; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát không báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc báo cáo không đầy đủ nội dung theo quy định.”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 15 như sau:

“a) Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc (Giám đốc) của một công ty đại chúng; thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại quá 05 công ty khác;”;

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 15 như sau:

“a) Không đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; không đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành; không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập; không đảm bảo thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc (Giám đốc) đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; không đảm bảo cơ cấu có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán;”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 15 như sau:

“b) Không tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định; không mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối;”;

g) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 6 Điều 15 như sau:

“đ) Không thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 24 như sau:

“b) Cung cấp dịch vụ chứng khoán không phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được cấp phép theo quy định tại Điều 86 Luật Chứng khoán;”;

b) Bổ sung điểm đ sau điểm d khoản 5 Điều 24 như sau:

“đ) Hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc cung cấp các dịch vụ chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ tài chính khác phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi thực hiện nhưng chưa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”;

c) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 24 như sau:

“5a. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này trong trường hợp tái phạm.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 24 như sau:

“7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, điểm b khoản 5 và khoản 6 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động nghiệp vụ môi giới có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5a Điều này.”;

đ) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 8 Điều 24 như sau:

“d) Buộc dừng hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc cung cấp các dịch vụ chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ tài chính khác đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 5a Điều này.”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 như sau:

“3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện một trong các hành vi sau đây khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:

a) Thực hiện dịch vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán;

b) Chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng.”;

b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 25 như sau:

“3a. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi chào bán chứng khoán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại nước ngoài khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.”;

c) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 25 như sau:

“5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 26 như sau:

a) Bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 1 Điều 26 như sau:

“g) Không thiết lập bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 Điều 26 như sau:

“g) Không tuân thủ quy định về tỷ lệ đầu tư an toàn của công ty chứng khoán, về nguồn vốn đầu tư, công cụ đầu tư khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 26 như sau:

“đ) Vi phạm quy định về nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; vi phạm quy định về điều kiện, hạn chế bảo lãnh phát hành chứng khoán; vi phạm quy định về hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán; vi phạm quy định về phát hành, chào bán sản phẩm tài chính; vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ tư vấn, trừ hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 8c và khoản 5a Điều này.”;

d) Bổ sung điểm k vào sau điểm i khoản 3 Điều 26 như sau:

“k) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị định này.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:

“4. Hành vi vi phạm quy định về giao dịch ký quỹ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về mở tài khoản giao dịch ký quỹ, thời hạn cho vay giao dịch ký quỹ;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, về ngừng thực hiện giao dịch ký quỹ;

c) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về tỷ lệ ký quỹ ban đầu, tỷ lệ ký quỹ duy trì, hạn chế giao dịch ký quỹ; cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ, rút tiền vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng; không thực hiện quản lý tách biệt tài khoản giao dịch ký quỹ với tài khoản giao dịch thông thường và tài khoản có sử dụng tiền vay của tổ chức tín dụng, tài khoản giao dịch trong ngày, tài khoản giao dịch bán khống có bảo đảm.”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 26 như sau:

“a) Không xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của công ty chứng khoán mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do công ty chứng khoán lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán; không thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán;”;

g) Bổ sung khoản 5a và khoản 5b vào sau khoản 5 Điều 26 như sau:

“5a. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm rà soát, kiểm tra thông tin trong hồ sơ chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8c Nghị định này.

5b. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán không thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định; không thực hiện báo cáo khi phát hiện giao dịch chứng khoán có dấu hiệu vi phạm các quy định pháp luật về chứng khoán; không lập và gửi báo cáo bất thường, báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con liên quan đến giao dịch chứng khoán theo quy định.”;

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 26 như sau:

“7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động nghiệp vụ môi giới chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.”;

i) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 26 như sau:

“8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Buộc xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng trong thời hạn 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 28 như sau:

“b) Không ban hành quy trình định giá giá trị tài sản ròng công ty đầu tư chứng khoán.”;

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 28 như sau:

“2a. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn không xác định giá trị tài sản ròng hoặc định giá sai giá trị tài sản ròng công ty đầu tư chứng khoán.”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 1 Điều 32 như sau:

“1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:”;

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 2 Điều 32 như sau:

“2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:”;

c) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 Điều 32 như sau:

“c) Không giám sát người hành nghề chứng khoán bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán.”;

d) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 4 Điều 32 như sau:

“4. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:”;

đ) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 5 Điều 32 như sau:

“5. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 Điều 32 như sau:

“b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều này.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Vi phạm quy định về giao dịch của cổ đông sáng lập; cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ

1. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn báo cáo khi có thay đổi về tỷ lệ cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu qua các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn khi có thay đổi về tỷ lệ cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu qua các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo khi có thay đổi về tỷ lệ cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu qua các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.

2. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn báo cáo khi sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn khi sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo khi sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.

3. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn báo cáo của cổ đông sáng lập trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.

4. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch bị xử phạt theo giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Cảnh cáo đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 2.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng và phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng và phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng và phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng và phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng và phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng và phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên và phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên.

5. Hành vi giao dịch ngoài khoảng thời gian Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam hoặc công ty con đã công bố thông tin hoặc giao dịch vượt quá khối lượng, giá trị Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam hoặc công ty con đã công bố thông tin hoặc giao dịch khi chưa có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán bị

xử phạt theo giá trị chứng khoán giao dịch thực tế tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Cảnh cáo nếu giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 1% đến 2% giá trị chứng khoán giao dịch thực tế nếu giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên. Trường hợp mức phạt tiền cao hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

6. Hành vi không báo cáo về việc dự kiến giao dịch bị xử phạt theo giá trị chứng khoán giao dịch thực tế tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền 3% đến 5% giá trị chứng khoán giao dịch thực tế nếu giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên. Trường hợp mức phạt tiền cao hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 5 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 6 Điều này.”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34 như sau:

“1. Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi cho người khác mượn tài khoản để giao dịch chứng khoán hoặc đứng tên sở hữu chứng khoán hộ người khác dẫn đến hành vi thao túng thị trường chứng khoán.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 34 như sau:

“b) Vi phạm quy định về hoạt động đầu tư, giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;”.

15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 39 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 3 Điều 39 như sau:

“e) Không thiết lập hệ thống bảo đảm việc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với tài khoản, tài sản của thành viên bù trừ hoặc không thiết lập và vận hành hệ thống tài khoản để quản lý tách biệt tài sản, giao dịch của từng nhà đầu tư và của nhà đầu tư với thành viên bù trừ; không tách biệt tài khoản, tài sản của từng thành viên bù trừ hoặc không tách biệt tài khoản, tài sản của thành viên bù trừ và các khách hàng của chính thành viên bù trừ hoặc không tách biệt tài khoản và tài sản ký quỹ bù trừ với thị trường

chứng khoán phái sinh hoặc không tách biệt giữa tài sản ký quỹ, tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán phái sinh và tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán cơ sở”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 7 Điều 39 như sau:

“a) Buộc quản lý tách biệt tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ là tiền và chứng khoán của khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ; buộc mở tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ chi tiết cho từng khách hàng; buộc quản lý tách biệt tài sản, vị thế giao dịch của từng khách hàng và của khách hàng với thành viên bù trừ; buộc xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành;

b) Buộc quản lý tách biệt tài sản của thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con; buộc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của từng thành viên bù trừ; buộc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản ký quỹ của từng thành viên bù trừ và các khách hàng của chính thành viên bù trừ đó; buộc tách biệt giữa tài sản ký quỹ, tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán phái sinh và tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán cơ sở đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 Điều này trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

“Điều 42. Vi phạm quy định về công bố thông tin

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện đăng ký, đăng ký lại người công bố thông tin hoặc người được ủy quyền công bố thông tin hoặc không ban hành quy chế về công bố thông tin;

b) Không thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về phương tiện, hình thức hoặc ngôn ngữ công bố thông tin;

b) Không lưu giữ thông tin công bố theo quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Công bố thông tin không đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật hoặc công bố thông tin không đầy đủ nội dung theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán;

b) Công bố thông tin cá nhân của chủ thể khi chưa được chủ thể đồng ý theo quy định pháp luật.

4. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn công bố thông tin bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi chậm công bố thông tin dưới 15 ngày so với quy định hoặc so với yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán;

b) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi chậm công bố thông tin từ 15 ngày trở lên so với quy định hoặc so với yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không xác nhận hoặc đính chính thông tin hoặc xác nhận, đính chính thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật khi có thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán hoặc khi nhận được yêu cầu xác nhận, đính chính thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con theo quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán.

6. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin sai lệch.

7. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi tạo dựng thông tin sai sự thật hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Chứng khoán.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, hoạt động văn phòng đại diện, hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán, hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này.”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

“Điều 43. Vi phạm quy định về báo cáo

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ thông tin đã báo cáo theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật hoặc báo cáo không đầy đủ nội dung theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán.

3. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn báo cáo bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi chậm báo cáo dưới 15 ngày so với quy định hoặc so với yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán;

b) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi chậm báo cáo từ 15 ngày trở lên so với quy định hoặc so với yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo có nội dung sai lệch hoặc sai sự thật.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.”.

18. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Mục 14 Chương II và Điều 45 như sau:

“Mục 14

**HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG, CHỐNG RỦA TIỀN;
PHÒNG, CHỐNG TÀI TRỢ KHỦNG BỐ; PHÒNG, CHỐNG TÀI TRỢ
PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT**

Điều 45. Hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền; phòng chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán vi phạm quy định về nhận biết thông tin khách hàng, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro, quy định về đánh giá rủi ro, quy định liên quan đến khách hàng là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không nhận biết khách hàng, không cập nhật thông tin nhận biết khách hàng, không xác minh thông tin nhận biết khách hàng hoặc nhận biết khách hàng, cập nhật thông tin nhận biết khách hàng, xác minh thông tin nhận biết khách hàng không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đánh giá rủi ro, không cập nhật kết quả đánh giá rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật; không báo cáo kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro hoặc không phổ biến kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật;

c) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng quy trình quản lý rủi ro, không phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro hoặc xây dựng quy trình quản lý rủi ro, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; không thực hiện các quy định liên quan đến khách hàng là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền.

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán vi phạm quy định về báo cáo giao dịch có giá trị lớn, báo cáo giao dịch đáng ngờ, báo cáo hành vi nghi ngờ liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về thời hạn hoặc yêu cầu về tính đầy đủ, chính xác về thông tin báo cáo từ lần thứ ba trở lên trong năm tài chính đối với báo cáo giao dịch có giá trị lớn theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; gửi báo cáo không đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo theo quy định của pháp luật; không báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật; không báo cáo khi có nghi ngờ khách hàng hoặc giao dịch của khách hàng liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc khách hàng nằm trong danh sách đen, danh sách bị chỉ định theo quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán vi phạm quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng hoặc áp dụng không đúng quy định nội bộ trong việc thực hiện kiểm soát, kiểm toán nội bộ hoặc không gửi báo cáo kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; không áp dụng quy định nội bộ về phân công hoặc không đăng ký phân công cán bộ, bộ phận chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; không áp dụng hoặc áp dụng không đúng quy định nội bộ về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành quy định nội bộ hoặc ban hành quy định nội bộ không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán vi phạm quy định về sản phẩm, dịch vụ mới, sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới, giám sát giao dịch đặc biệt bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định liên quan đến trách nhiệm của đối tượng báo cáo khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ mới, sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới theo quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền;

b) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không giám sát giao dịch đặc biệt theo quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền.

5. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán vi phạm quy định về trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản; niêm phong hoặc tạm giữ tài sản bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo việc trì hoãn giao dịch theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật; không báo cáo ngay khi thực hiện việc tạm ngừng lưu thông, phong tỏa tiền, tài sản liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật;

b) Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch theo quy định tại pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố; không phong tỏa tài khoản, không áp dụng biện pháp niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền; không thực hiện tạm ngừng lưu thông, phong tỏa tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định về lưu trữ, cung cấp và bảo đảm bí mật thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo sau:

a) Không cung cấp kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo; lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Không tuân thủ quy định về bảo mật thông tin nhận biết khách hàng đối với thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo liên quan đến các giao dịch phải báo cáo theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

7. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện hành vi bị cấm trong phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố;

b) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh hoặc tài khoản sử dụng tên giả;

c) Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện, trợ giúp thực hiện hành vi rửa tiền mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; thiết lập, duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng vỏ bọc; không tố giác hành vi tài trợ khủng bố mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; lợi dụng việc tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ, xử lý tiền, tài sản liên quan đến tài trợ khủng bố để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; trực

tiếp hoặc gián tiếp cung cấp tiền, tài sản, nguồn tài chính, nguồn lực kinh tế, dịch vụ tài chính hoặc dịch vụ khác cho tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 7 Điều này”.

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 47 và bổ sung khoản 1a và khoản 1b vào sau khoản 1 Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 47 như sau:

“1. Giám đốc Sở Tài chính, Chánh Thanh tra Chứng khoán Nhà nước, Trưởng đoàn kiểm tra do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thành lập có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 2.400.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 1.200.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn;

d) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này.”;

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 47 như sau:

“1a. Trưởng đoàn thanh tra Thanh tra Chứng khoán Nhà nước có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 1.500.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 750.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.”.

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 4 Điều 49 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 như sau:

“1. Khi áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20, điểm a khoản 7 Điều 24, khoản 5 Điều 25, điểm b khoản 6 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35,

điểm a khoản 2 Điều 36, khoản 8 Điều 42, khoản 8 Điều 45, điểm a khoản 3 Điều 46 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 47 Nghị định này có quyền ra quyết định đình chỉ có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán của tổ chức vi phạm.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 49 như sau:

“4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt có áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức bị xử phạt, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để thi hành.”.

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 50 như sau:

“1. Khi áp dụng hình thức xử phạt là đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán quy định tại khoản 4 Điều 38, điểm a khoản 6 Điều 39, khoản 5 Điều 40, khoản 8 Điều 42 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 47 Nghị định này có quyền ra quyết định đình chỉ có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán của tổ chức vi phạm.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt có áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức bị xử phạt, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng Việt Nam để thi hành.”.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 50a như sau:

“2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt có áp dụng hình thức tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho người hành nghề chứng khoán bị xử phạt, công ty chứng khoán nơi người hành nghề chứng khoán làm việc để thi hành.”.

23. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 51 như sau:

“3. Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này là tối đa 30 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có hiệu lực thi hành, trừ các trường hợp quy định tại các điểm c, e và g khoản 9 Điều 8; các điểm a và đ khoản 9 Điều 8 trong trường hợp buộc thông qua hoặc báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất; các điểm a và b khoản 5 Điều 9, các điểm a, b và c khoản 8 Điều 10, các điểm b và c khoản 6 Điều 12, khoản 3 Điều 15a, điểm d khoản 6 Điều 17, điểm a khoản 7 Điều

18, khoản 8 Điều 26, khoản 7 Điều 27, điểm c khoản 8 Điều 32, điểm b khoản 6 Điều 34, khoản 7 Điều 39, điểm a khoản 6 Điều 40, khoản 4 Điều 44, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Nghị định này. Cá nhân, tổ chức vi phạm phải báo cáo người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản này trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả.”;

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 4 Điều 51 như sau:

“4. Việc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) và tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc quy định tại các điểm b, e, g khoản 9 Điều 8, các điểm a, b khoản 5 Điều 9, điểm a khoản 8 Điều 10, các điểm b, c khoản 6 Điều 12 Nghị định này được áp dụng trong trường hợp chứng khoán đã chào bán, phát hành chưa được đưa vào niêm yết, đăng ký giao dịch và được thực hiện như sau:”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 5 Điều 51 như sau:

“a) Trường hợp bị áp dụng biện pháp buộc hoàn trả tiền thuộc sở hữu của khách hàng quy định tại điểm a khoản 8 Điều 26, điểm c khoản 8 Điều 32 Nghị định này, tổ chức, cá nhân vi phạm phải hoàn trả cho khách hàng toàn bộ số tiền trên tài khoản của khách hàng bị lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản của khách hàng tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực. Khoản tiền lãi mà tổ chức, cá nhân vi phạm phải trả cho khách hàng được tính từ ngày tiền trên tài khoản của khách hàng bị lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật đến ngày tổ chức, cá nhân vi phạm trả lại tiền cho khách hàng;

b) Trường hợp bị áp dụng biện pháp buộc hoàn trả chứng khoán thuộc sở hữu của khách hàng quy định tại điểm a khoản 8 Điều 26, điểm c khoản 8 Điều 32 Nghị định này, tổ chức, cá nhân vi phạm phải hoàn trả cho khách hàng số chứng khoán đã bị lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật cộng thêm số chứng khoán, số tiền phát sinh từ số chứng khoán đã bị lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật (nếu có) trong thời gian lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật.”.

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 51a như sau:

“2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt có áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các công ty chứng khoán đề thi hành.”.

25. Thay thế cụm từ và bãi bỏ một số khoản của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) như sau:

a) Thay thế cụm từ “Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam” bằng cụm từ “Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con” tại các khoản 2, 4 và 5 Điều 39;

b) Bãi bỏ các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 19, khoản 3 Điều 32, khoản 2 Điều 3, khoản 3 Điều 48.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh và Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 4 như sau:

“c) Đáp ứng quy định tại điểm e, g khoản 2 Điều này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 5 như sau:

“c) Báo cáo tài chính của 02 năm tài chính gần nhất đã được kiểm toán và báo cáo tài chính bán niên gần nhất đã được soát xét (trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh sau ngày 30 tháng 6);”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 5 như sau:

“d) Danh sách Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) phụ trách nghiệp vụ và các nhân viên cho mỗi hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh theo hướng dẫn tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo hồ sơ thông tin cá nhân của các cá nhân nêu trên. Hồ sơ cá nhân tối thiểu bao gồm: thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu, hợp đồng lao động;”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Tài liệu thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này được miễn trừ trong trường hợp tài liệu đó đã được gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định về báo cáo và công bố thông tin. Trường hợp cá nhân thuộc danh sách quy định tại điểm d khoản 1 Điều này sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này thì thông tin về danh tính điện tử, thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh, tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính; trường hợp hợp đồng lao động chưa được tích hợp thì cá nhân phải nộp hợp đồng lao động”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 6 như sau:

“a) Công ty chứng khoán không đáp ứng một hoặc một số quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 4 Nghị định này trong vòng 06 tháng liên tiếp; công ty quản lý quỹ không đáp ứng một hoặc một số quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 4 Nghị định này trong vòng 06 tháng liên tiếp;”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 9 như sau:

“d) Tỷ lệ vốn khả dụng đạt tối thiểu 260% liên tục trong 12 tháng gần nhất;”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 9 như sau:

“d) Đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 10 như sau:

“c) Báo cáo tài chính của 02 năm tài chính gần nhất được kiểm toán và báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phải sinh sau ngày 30 tháng 6); Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong 12 tháng gần nhất (đối với công ty chứng khoán);”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 11 như sau:

“a) Công ty chứng khoán không đáp ứng quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 9 Nghị định này trong vòng 06 tháng liên tiếp; ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đáp ứng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này trong vòng 06 tháng liên tiếp;”.

10. Bãi bỏ điểm c, đ, h khoản 2 Điều 4; điểm đ khoản 1 Điều 5; điểm g, h khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 9; điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

11. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 01 năm 2026.

2. Điều khoản chuyển tiếp:

Đối với các hành vi vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức còn khiếu nại, khởi kiện thì được giải quyết theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.

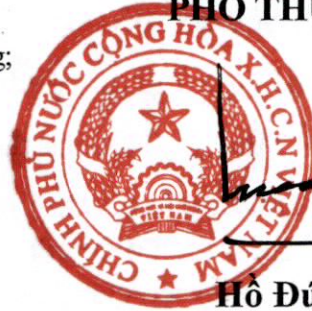
3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b). 10

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phớc



Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 306/2025/NĐ-CP
ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 02

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC, NHÂN VIÊN
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Tên tổ chức: ... (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin đăng ký danh sách thành viên Ban Giám đốc Công ty phụ trách, nhân viên nghiệp vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh cùng mẫu chữ ký như sau:

STT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ¹	Số Hộ chiếu ²	Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán ³	Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh ⁴	Vị trí công tác dự kiến	Chữ ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực về những nội dung trên.

Hồ sơ cá nhân kèm theo:
(Liệt kê đầy đủ)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

¹ Cột (4): Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam hoặc người nước ngoài đã được cấp số định danh cá nhân.

² Cột (5): Đối với người nước ngoài chưa được cấp số định danh cá nhân.

³ Cột (6): Ghi rõ loại, số hiệu, ngày cấp.

⁴ Cột (7): Ghi rõ số hiệu, ngày cấp.